

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
HABECO**



**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI**

Hà nội, tháng 6 năm 2008



MỤC LỤC

Chương I	5
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Giải thích từ ngữ	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của HABECO	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật	7
Điều 4. Vốn điều lệ	7
Điều 5. Các nguồn vốn khác	8
Chương II	8
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HABECO	8
Điều 6. Mục tiêu hoạt động	8
Điều 7. Ngành nghề kinh doanh:	9
Điều 8. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	9
Chương III	9
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HABECO	9
Mục 1. CÁC QUYỀN CỦA HABECO	9
Điều 9. Quyền trong hoạt động sản xuất, kinh doanh	9
Điều 10. Quyền về vốn và tài sản	10
Mục 2. NGHĨA VỤ	11
Điều 11. Nghĩa vụ trong hoạt động sản xuất - kinh doanh	11
Điều 12. Nghĩa vụ trong quản lý tài chính	11
Chương IV	11
CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ TỨC	11
Mục 1. CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU	11
Điều 13. Cổ phần	11
Điều 14. Cổ phiếu	12
Điều 15. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần	13
Điều 16. Thừa kế cổ phần	15
Điều 17. Phát hành trái phiếu	15
Điều 18. Mua cổ phần, trái phiếu	16
Điều 19. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	16
Điều 20. Mua lại cổ phần theo quyết định của HABECO	16
Điều 21. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	17
Điều 22. Thu hồi cổ phần	17
Điều 23. Sổ đăng ký cổ đông	18
Mục 2. CỔ TỨC	18
Điều 24. Cổ tức	18
Điều 25. Chi trả cổ tức	19
Điều 26. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức	20
Chương V	20
CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	20
Điều 27. Cơ cấu tổ chức quản lý HABECO	20
Mục 1. CỔ ĐÔNG	21
Điều 28. Quy định chung về cổ đông	21
Điều 29. Quyền của cổ đông	22
Điều 30. Trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông	24
Điều 31. Cổ đông chiến lược	24
Mục 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	25



Điều 32. Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 33. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 34. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 35. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 36. Mời họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 37. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 38. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 39. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	30
Điều 40. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	32
Điều 41. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	33
Điều 42. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	34
Điều 43. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	34
Mục 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	34
Điều 44. Hội đồng quản trị	34
Điều 45. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	36
Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	36
Điều 47. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	37
Điều 48. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	38
Điều 49. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	40
Điều 50. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	40
Điều 51. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	40
Điều 52. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị.....	41
Điều 53. Tiếp nhận nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	41
Mục 4. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ	42
Điều 54. Tổng giám đốc	42
Điều 55. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	42
Điều 56. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc	43
Điều 57. Từ nhiệm và miễn nhiệm Tổng giám đốc	43
Điều 58. Ủy quyền của Tổng Giám Đốc	44
Điều 59. Trách nhiệm người được ủy quyền.....	44
Điều 60. Ủy quyền liên quan đến con dấu.....	44
Điều 61. Trách nhiệm về chứng từ kế toán.....	44
Mục 5. THƯ KÝ HABECO.....	44
Điều 62. Thư ký HABECO	44
Mục 6. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA NHỮNG NGƯỜI QUẢN LÝ HABECO.....	45
Điều 63. Công khai các lợi ích liên quan.....	45
Điều 64. Trách nhiệm về thiệt hại bồi thường.....	46
Điều 65. Nghĩa vụ của những người quản lý HABECO	46
Điều 66. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.....	47
Điều 67. Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.....	48
Mục 7. BAN KIỂM SOÁT	49
Điều 68. Ban kiểm soát.....	49
Điều 69. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.....	50
Điều 70. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	51
Điều 71. Quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát	51
Điều 72. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.....	51
Điều 73. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	52
Mục 8. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, CÔNG BỐ THÔNG TIN	52



Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Hà Nội-HABECO

Điều 74. Trình báo cáo hàng năm.....	52
Điều 75. Công khai thông tin về HABECO	53
Chương VI	54
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, PHÂN CHIA LỢI NHẬN	54
Điều 76. Chế độ kế toán	54
Điều 77. Quỹ dự trữ bổ xung vốn điều lệ	54
Điều 78. Báo cáo tài chính.....	54
Điều 79. Kiểm toán.....	55
Điều 80. Phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ	56
Điều 81. Xử lý thua lỗ	56
Chương VII.....	56
CÁC CHẾ ĐỘ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG	56
Điều 82. Chế độ và quyền lợi của người lao động	56
Điều 83. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội khác	57
Chương VIII.....	57
MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN	57
Điều 84. Hình thức tổ chức của HABECO.....	57
Điều 85. Quan hệ giữa HABECO với công ty con.....	57
Điều 86. Quan hệ giữa HABECO với công ty liên kết.....	58
Điều 87. Báo cáo tài chính của HABECO và công ty con	58
Chương IX	59
QUẢN LÝ PHẦN VỐN CỦA HABECO	59
TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC	59
Mục 1: TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HABECO ĐỐI VỚI PHẦN VỐN GÓP CỦA HABECO TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC.....	59
Điều 88. Đại diện chủ sở hữu của HABECO ở doanh nghiệp khác	59
Điều 89. Quyền của Hội đồng quản trị HABECO đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp khác	59
Điều 90. Nghĩa vụ của Hội đồng quản trị HABECO đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp khác.....	60
Điều 91. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	60
Mục 2: TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN GÓP CỦA HABECO Ở DOANH NGHIỆP KHÁC	60
Điều 92. Trách nhiệm của người đại diện phần vốn góp của HABECO ở doanh nghiệp khác	60
Điều 93. Nghĩa vụ của người đại diện phần vốn góp của HABECO ở doanh nghiệp khác	61
Điều 94. Tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện phần vốn góp của HABECO ở doanh nghiệp khác	62
Chương X.....	62
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CON DẤU, HỒ SƠ, TÀI LIỆU	62
Điều 95. Con dấu của HABECO	62
Điều 96. Chế độ lưu giữ tài liệu của HABECO.....	63
Chương XI	63
KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	63
Điều 97. Quyền khiếu kiện của Cổ đông.....	63
Điều 98. Giải quyết khiếu kiện.....	63
Điều 99. Tư cách tham gia tố tụng	63
Điều 100. Giải quyết tranh chấp nội bộ	64
Chương XII.....	64
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	64



Điều 101. Chấm dứt hoạt động	64
Điều 102. Gia hạn hoạt động	65
Điều 103. Thanh lý	65
Chương XIII.....	66
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	66
Điều 104. Điều khoản thi hành	66
Điều 105. Bổ sung, sửa đổi và hiệu lực của Điều lệ	66
Điều 106. Ngày hiệu lực	66
Điều 107. Chữ ký của thành viên hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của HABECO	67



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội
hợp ngày 09 tháng 6 năm 2008 tại TP. Hà Nội)*

1. Điều lệ này được xây dựng căn cứ vào:

- Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI thông qua tại kỳ họp thứ 8 và được công bố tại quyết định số 60/2005-QH11 ngày 29/11/2005;
- Nghị định số 109/2007 NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Điều lệ mẫu theo quyết định số 15/2007 QĐ-BTC ngày 19/3/2007 của Bộ Tài chính;

2. Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thành lập Tổng Công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội đã nhất trí thông qua nội dung của Điều lệ và cùng cam kết thực hiện những quy định trong bản Điều lệ này.

Điều lệ này sẽ chi phối và điều chỉnh mọi hoạt động của Tổng Công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội.

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trừ trường hợp các điều khoản của Điều lệ này có quy định khác, các từ ngữ, thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. **"Vốn điều lệ"** là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp hoặc cam kết sẽ đóng góp và quy định tại khoản 2 điều 4 của Điều lệ này.
- b. **"Luật Doanh nghiệp"** là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- c. **"Ngày thành lập"** là ngày Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (sau đây gọi tắt là HABECO) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.



- d. **"Cán bộ quản lý "** là Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác trong HABECO theo quy định của pháp luật và điều lệ này.
- e. **"Người có liên quan"** là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
- f. **"Thời hạn hoạt động"** là thời hạn hoạt động của HABECO được quy định tại Khoản 6 Điều 2 của Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của HABECO thông qua bằng nghị quyết.
- g. **"Việt Nam"** là nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- h. **"Cổ đông chiến lược"** trong Điều lệ này là Tập đoàn Carlsberg Breweries A/S.

Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh sẽ có ý nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của HABECO

- 1. Tên công ty:
 - Tên đầy đủ tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA- RƯỢU- NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI**
 - Tên tiếng Anh: **HANOI BEER ALCOHOL AND BEVERAGE JOINT STOCK CORPORATION**
 - Tên giao dịch : **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO**
 - Tên viết tắt: **HABECO**
- 2. Biểu tượng: Chùa Một cột, hai con gấu và chữ HABECO



- 3. Hình thức hoạt động
Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (sau đây gọi tắt là HABECO) là công ty cổ phần, hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp



năm 2005 và các quy định khác của pháp luật và Điều lệ này. HABECO có các đặc điểm chính sau đây:

- a. Thuộc sở hữu của các cổ đông có nắm giữ cổ phần của HABECO;
- b. Có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;
- c. Có vốn điều lệ và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ;
- d. Hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- e. Là một Tổng công ty cổ phần được chuyển đổi từ một Tổng công ty thuộc sở hữu 100% vốn Nhà nước theo các quy định về cổ phần hóa. HABECO có quyền hạn và nghĩa vụ kế thừa, tiếp nhận toàn bộ các tài sản, bất động sản, quyền, lợi ích, quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hóa, các khoản đầu tư thuộc về HABECO tại thời điểm đăng ký kinh doanh.

4. Trụ sở đăng ký của HABECO:

- Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 04.8453843/
- Fax: 04.7223784/ 04.8464549
- E-mail: habeco@habeco.com.vn
- Website: <http://www.habeco.com.vn>

5. Tổng công ty thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Tại thời điểm thành lập, Tổng công ty cổ phần HABECO có các chi nhánh sau:

- Chi nhánh Phố Nối-Hưng Yên
- Chi nhánh Nam Định-TP Nam Định
- Chi nhánh Nghệ An-TP Vinh, Nghệ An

6. Thời hạn hoạt động:

Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, thời hạn hoạt động của HABECO bắt đầu từ ngày thành lập và vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật.

Tổng giám đốc HABECO là người đại diện theo pháp luật của HABECO.

Điều 4. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của HABECO được góp bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc hiện vật; được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là đồng Việt Nam.
2. Vốn điều lệ của HABECO tại thời điểm thành lập là 2.318.000.000.000 đồng (Hai nghìn ba trăm mười tám tỷ đồng chẵn)



3. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 231.800.000 cổ phần (Hai trăm ba mươi một triệu tám trăm nghìn cổ phần) với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.
4. Việc tăng, giảm vốn điều lệ của HABECO do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo yêu cầu hoạt động của HABECO và đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, được thực hiện theo quy định của pháp luật.
5. HABECO chỉ được sử dụng vốn điều lệ cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh mà không được sử dụng để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác và không trái quy định của pháp luật.

Điều 5. Các nguồn vốn khác

Các nguồn vốn khác của HABECO được hình thành trên cơ sở:

1. Vay từ các tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng trong và ngoài nước
2. Vay của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
3. Phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO.

Chương II

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HABECO

Điều 6. Mục tiêu hoạt động

- Xây dựng Tổng công ty trở thành một Tổng công ty mạnh, có vị trí quan trọng trong ngành công nghiệp bia, rượu, nước giải khát, có tốc độ phát triển cao, hiệu quả và bền vững, kinh doanh đa ngành nghề, đa lĩnh vực, trong đó bia, rượu, nước giải khát là những sản phẩm chính, chủ yếu.
- Tập trung đầu tư phát triển năng lực sản xuất kinh doanh, không ngừng nâng cao trình độ và năng lực quản lý điều hành hoạt động của công ty mẹ. Đồng thời mở rộng, phát triển đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của cả tổ hợp công ty mẹ-công ty con.
- Xây dựng phát triển thương hiệu sản phẩm, thương hiệu doanh nghiệp, phát triển mở rộng thị trường trong và ngoài nước, nâng cao khả năng cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu phát triển trong nền kinh tế thị trường.
- Sử dụng hiệu quả các tiềm lực vốn, thương hiệu sản phẩm để phát triển sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, ổn định việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động và quyền lợi, lợi ích của các cổ đông.



Điều 7. Ngành nghề kinh doanh:

Tổng công ty với chức năng vừa trực tiếp hoạt động SXKD và đầu tư góp vốn vào các công ty con, công ty liên kết, hoạt động SXKD những ngành nghề sau:

- Sản xuất kinh doanh các loại: bia, rượu, cồn, nước giải khát, vật tư, nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng có liên quan đến ngành sản xuất bia, rượu, nước giải khát, các loại hương liệu, nước cốt để sản xuất bia, rượu, nước giải khát; các loại bao bì, nhãn hiệu cho ngành bia, rượu, nước giải khát;
- Dịch vụ tư vấn, đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ; thiết kế, chế tạo, xây, lắp đặt thiết bị và công trình chuyên ngành bia, rượu, nước giải khát;
- Kinh doanh bất động sản: trung tâm thương mại, khách sạn, văn phòng, nhà ở cho thuê; Kinh doanh du lịch, nhà hàng, dịch vụ ăn uống;
- Đầu tư tài chính, kinh doanh vốn: mua bán chứng khoán, cổ phần, góp vốn đầu tư liên doanh, liên kết, ngân hàng tài chính;

và các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Tổng công ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

Chương III
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HABECO

Mục 1. CÁC QUYỀN CỦA HABECO

Điều 9. Quyền trong hoạt động sản xuất, kinh doanh

1. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của HABECO;
2. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn;
3. Tổ chức bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với yêu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh; sắp xếp, bố trí hợp lý nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc để đảm bảo hiệu quả cao nhất trong sản xuất, kinh doanh;
4. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển, hiệu quả kinh doanh và nâng cao khả năng cạnh tranh của HABECO;
5. Mở chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và ở ngoài nước theo quy định của pháp luật;



6. Kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm; mở rộng quy mô kinh doanh theo khả năng của HABECO và nhu cầu của thị trường;
7. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng;
8. Kinh doanh xuất, nhập khẩu;
9. Quyết định giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ trừ những sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước định giá.
10. Được Nhà nước bảo hộ về quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm: các sáng chế, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hoá theo quy định của pháp luật Việt Nam.
11. Quyết định các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. Sử dụng vốn của HABECO hoặc vốn huy động để đầu tư thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; góp vốn cùng với các nhà đầu tư khác thành lập công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên ở trong và ngoài nước; thuê, mua một phần hoặc toàn bộ công ty khác.
12. Tuyển chọn, thuê, bố trí, sử dụng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật, cho thôi việc đối với lao động; lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng phù hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh; quyết định mức lương trên cơ sở công việc và hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.
13. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật; trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật;
14. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyền về vốn và tài sản

1. Sử dụng vốn và các quỹ của HABECO để phục vụ yêu cầu sản xuất, kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển;
2. Bán hoặc cho thuê những tài sản không sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả, chưa sử dụng hết công suất.
3. Chào bán, phát hành, chuyển nhượng, bán các cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật, thế chấp giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản thuộc quyền sở hữu của HABECO tại các ngân hàng để vay vốn kinh doanh theo quy định của pháp luật.
4. Quyết định sử dụng và phân phối lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ đối với nhà nước, trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
5. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với số vốn đầu tư tại các công ty khác theo quy định của pháp luật.



Mục 2. NGHĨA VỤ

Điều 11. Nghĩa vụ trong hoạt động sản xuất - kinh doanh

1. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, chịu trách nhiệm trước cổ đông về kết quả kinh doanh, chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do HABECO thực hiện.
2. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp với mục tiêu, phạm vi hoạt động của HABECO, nhu cầu thị trường và quy định của pháp luật.
3. Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký với đối tác.
4. Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Bộ Luật lao động.
5. Tuân thủ các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hoá, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, vệ sinh, an toàn lao động.
6. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông; bảo đảm tính xác thực của các báo cáo đó.
7. Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. Tuân thủ các quy định về thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
8. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về việc sử dụng vốn để đầu tư, góp vốn thành lập doanh nghiệp khác.

Điều 12. Nghĩa vụ trong quản lý tài chính

1. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, hạch toán kế toán, thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật quy định; chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo tài chính của HABECO.
2. Bảo toàn và phát triển vốn. Quản lý, sử dụng có hiệu quả vốn kinh doanh bao gồm cả phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác.
3. Thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả ghi trong bảng cân đối kế toán của Tổng công ty cổ phần tại thời điểm thành lập.
4. Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật, đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của HABECO.
5. Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Chương IV

CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ TỨC

Mục 1. CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 13. Cổ phần

1. Vốn điều lệ của HABECO được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng.



2. Tại thời điểm có hiệu lực của Điều lệ này:
 - Số lượng cổ phần của HABECO là 231.800.000 cổ phần và được quyền chào bán, Toàn bộ số cổ phần này đã được phát hành và thanh toán đầy đủ.
 - Tất cả các cổ phần đều là cổ phần phổ thông, có giá trị ngang nhau về mọi mặt.
3. Cổ phần được góp bằng các phương tiện, thiết bị và tài sản khác phải được đánh giá lại, tính thành tiền để xác định số lượng cổ phần ngay tại thời điểm góp vốn và phải được Hội đồng quản trị thông qua.
4. Sau thời điểm thành lập, HABECO có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật và các quy định của Điều 13.7 và 15.2.
5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau theo số lượng cổ phần sở hữu.
6. Cổ phần phổ thông không được chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
7. Toàn bộ các cổ phần mới hoặc chứng khoán khác có thể được chuyển đổi thành cổ phần phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong HABECO. HABECO phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu ba mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của HABECO quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
8. HABECO có thể mua cổ phần do chính HABECO đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do HABECO mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
9. HABECO có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 14. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do HABECO phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của HABECO. Nội dung cổ phiếu được ghi theo quy định tại Khoản 1 Điều 85 Luật Doanh nghiệp năm 2005.
2. Cổ phiếu của HABECO phát hành là cổ phiếu ghi tên:



- a. Cổ phiếu có ghi rõ họ tên, địa chỉ của tổ chức hay cá nhân sở hữu cổ phần và các thông tin khác theo Khoản 1 Điều 85 Luật Doanh nghiệp; việc chuyển nhượng cổ phiếu loại này phải tuân thủ theo các quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.
- b. Hội đồng quản trị HABECO quyết định chọn mẫu cổ phiếu HABECO và cách thức quản lý cổ phiếu phù hợp với quy định của pháp luật. Mọi cổ phiếu HABECO chỉ hợp lệ khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị HABECO và đóng dấu của HABECO.
- c. Các cổ đông sau khi nộp tiền mua cổ phần của HABECO được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông của HABECO và nhận một hoặc một số cổ phiếu cho số cổ phần của mình.
- d. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do HABECO phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra và có trách nhiệm sửa chữa những sai sót đó.
- e. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được HABECO cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:
 - Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan đã tiến hành tìm kiếm hết khả năng và nếu tìm lại được sẽ đem trả HABECO để tiêu hủy;
 - Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
- f. Đối với cổ phiếu có mệnh giá trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Chủ tịch Hội đồng quản trị HABECO có quyền yêu cầu chủ sở hữu của cổ phiếu đăng thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ thực hiện việc cấp cổ phiếu mới.

Điều 15. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở HABECO;
 - b. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
 - c. Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Hội đồng quản trị HABECO quy định.



2. Trường hợp HABECO phát hành thêm cổ phần mới hoặc chứng khoán có thể chuyển đổi thành cổ phần và chào bán số cổ phần hoặc chứng khoán đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại HABECO thì phải thực hiện theo quy định sau đây:
 - a. HABECO phải thông báo việc bán cổ phần hoặc chứng khoán đó bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu đăng.
 - b. Thông báo phải có đầy đủ các nội dung quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 87 Luật Doanh nghiệp. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần hoặc chứng khoán được phát hành. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do HABECO phát hành;
3. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần mới hoặc chứng khoán mới của mình cho người khác;
4. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về HABECO đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của HABECO hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.
5. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 86 của Luật Doanh nghiệp đã được ghi đúng và đủ vào Sổ đăng ký cổ đông. Kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của HABECO.
6. Sau khi cổ phần được bán, HABECO phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. HABECO có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu; trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 86 của Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong HABECO.
7. Cổ phiếu của HABECO được chuyển nhượng, thừa kế theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của HABECO. Việc mua bán, chuyển nhượng cổ phiếu phải được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của Hội đồng quản trị HABECO. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và HABECO phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.



8. Cổ phần cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày mua trừ khi Hợp đồng mua bán cổ phần được ký giữa HABECO và Cổ đông chiến lược có quy định khác. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn thì phải được Hội đồng quản trị HABECO chấp thuận.
9. Cổ phiếu HABECO được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và sau khi HABECO đã hoàn tất việc lập Sổ đăng ký cổ đông. Trong thời hạn 10 ngày trước khi họp Đại hội đồng cổ đông các cổ đông HABECO không được chuyển nhượng cổ phần.
10. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán hoặc trung tâm giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Cổ phiếu chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.
11. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 16. Thừa kế cổ phần

1. Thừa kế cổ phần của cổ đông là cá nhân:
 - a. Trường hợp cổ đông qua đời, HABECO công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:
 - Người thừa kế duy nhất theo luật định;
 - Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có công chứng. HABECO không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.
 - b. Người có quyền sở hữu, do thừa kế hợp pháp, phải đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ được kế thừa.
2. Thừa kế cổ phần của cổ đông là tổ chức:

Trường hợp cổ đông của HABECO là tổ chức bị giải thể hoặc được tổ chức lại dẫn đến việc tổ chức cũ phải chấm dứt hoạt động, thì các tổ chức, cá nhân được quyền thừa kế hợp pháp cổ phần của tổ chức cũ sau khi xuất trình các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp của mình, sẽ đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ được thừa kế.

Điều 17. Phát hành trái phiếu

1. HABECO có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO.
2. HABECO không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:
 - a. Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó;



- b. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành.
 - c. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại điểm a và điểm b khoản này.
3. Hội đồng quản trị HABECO có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

Điều 18. Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của HABECO có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật và phải được thanh toán đủ một lần.

Điều 19. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại HABECO hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ HABECO có quyền yêu cầu HABECO mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ họ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu HABECO mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến HABECO trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. HABECO phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 20. Mua lại cổ phần theo quyết định của HABECO

HABECO có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị HABECO có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Hội đồng quản trị HABECO quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.
3. HABECO có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong HABECO. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của HABECO phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có đầy đủ nội dung được quy định tại khoản 3 Điều 91 Luật Doanh nghiệp.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được HABECO trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có đầy đủ nội dung quy định tại khoản 3 Điều 91 Luật Doanh nghiệp. HABECO chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn quy định.

Điều 21. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. HABECO chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 19 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, HABECO vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với HABECO.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của HABECO giảm hơn 10% thì HABECO phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 22. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho HABECO theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của HABECO. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Trong phạm vi mà pháp luật cho phép, cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá lãi suất tiền gửi kỳ hạn tương ứng với thời hạn chậm thanh toán) vào thời điểm thu hồi theo quyết

định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 23. Sổ đăng ký cổ đông

1. HABECO phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của HABECO; Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - b. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
 - d. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của HABECO hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của HABECO hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.
4. Cổ đông sở hữu từ **5%** tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

Mục 2. CỔ TỨC

Điều 24. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của HABECO nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của HABECO.



3. HABECO không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới loại cổ phiếu mà HABECO đã phát hành.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, HABECO sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi HABECO đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép HABECO thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp HABECO đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, HABECO không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền HABECO chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của HABECO. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan

Điều 25. Chi trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế của HABECO. HABECO chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, HABECO vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.



Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của HABECO. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc địa chỉ đăng ký mới nhất của cổ đông.

Cổ tức thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi HABECO đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu HABECO đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì HABECO không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

2. Hội đồng quản trị HABECO phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi đầy đủ nội dung quy định tại khoản 3 Điều 93 Luật Doanh nghiệp.
3. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì cổ đông chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ HABECO.
4. Tùy theo tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hàng quý hoặc sáu tháng, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng mức cổ tức theo kết quả sản xuất kinh doanh cùng kỳ báo cáo (nếu cần thiết).
5. Sau một năm kể từ ngày trả cổ tức, nếu không có người nhận thì Hội đồng quản trị sẽ sử dụng số tiền cổ tức này vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của HABECO. Sau hai năm kể từ ngày trả cổ tức và sau khi có cáo thị ghi rõ họ tên, số cổ phần của cổ đông đó và cáo thị đó phải được đăng tải ba lần trong thời gian một tháng trên một trong các báo hàng ngày của địa phương, mà vẫn không có người đến nhận thì Hội đồng quản trị sẽ nhập số cổ tức đó vào quỹ của HABECO.
6. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

Điều 26. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định của Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho HABECO số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị HABECO phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của HABECO trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Chương V

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 27. Cơ cấu tổ chức quản lý HABECO

1. Đại hội đồng cổ đông;



2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc;
5. Và các phòng ban, đơn vị sản xuất kinh doanh trực thuộc.

Mục 1. CỔ ĐÔNG

Điều 28. Quy định chung về cổ đông

1. Cổ đông của HABECO là những tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của HABECO.
2. Cổ phần được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại HABECO.
3. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được gọi là cổ đông phổ thông.
4. Tại thời điểm thành lập, Tổng công ty cổ phần HABECO không có cổ đông sáng lập. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về nhóm cổ đông tại thời điểm thành lập HABECO được nêu tại phụ lục đính kèm, phụ lục này là một phần của Điều lệ này và chi tiết danh sách cổ đông được đăng ký tại sổ cổ đông.
5. Người đại diện của cổ đông tại HABECO:
 - a. Người đại diện của cổ đông là tổ chức tại HABECO là người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó. Người đại diện này có thể uỷ quyền cho người có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi thuộc tổ chức đó làm đại diện tại HABECO. Những người được uỷ quyền làm đại diện cho tổ chức tại HABECO không được uỷ quyền lại cho người khác;
 - b. Cổ đông là cá nhân, có thể uỷ quyền cho người khác có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại HABECO;
 - c. Việc uỷ quyền phải thực hiện bằng văn bản; khi cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị HABECO;
 - d. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông đòi hỏi phải được sự chấp thuận bằng văn bản của tất cả các cổ đông trong nhóm;
 - e. Trong trường hợp cổ đông là tổ chức mới được sáp nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc kế thừa quyền và nghĩa vụ của tổ chức cũ đó, thì cổ đông là tổ chức mới này phải gửi cho Hội đồng quản trị HABECO các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc kế thừa để Hội đồng quản trị HABECO quyết định công nhận về cổ đông, cổ phần và người đại diện theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ đông là tổ chức bị giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho tổ chức hoặc cá nhân khác theo thông báo của tổ chức đó.



Điều 29. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của HABECO và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% vốn Điều lệ có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin về tình hình, kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh có liên quan đến quyền lợi của cổ đông, và được quyền kiểm tra việc thực hiện Điều lệ của HABECO, chất vấn, kiến nghị về công việc của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của HABECO.
 - c. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong HABECO;
 - e. Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật hoặc theo các thỏa thuận mà cổ đông bán cổ phần là một bên tham gia;
 - f. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ HABECO, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Khi HABECO giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào HABECO;
 - i. Yêu cầu HABECO mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 19 của Điều lệ này;
 - j. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau đây:
 - a. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của HABECO khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải có

đầy đủ nội dung được quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 79 Luật Doanh nghiệp;

- d. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Hội đồng quản trị HABECO vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị HABECO đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
 - c. Có dấu hiệu bất thường về hoạt động tài chính; có dấu hiệu thất bại trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, về tham nhũng hoặc cố ý làm trái pháp luật gây thiệt hại cho HABECO của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị HABECO, thành viên Hội đồng Quản trị.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ HABECO.
 - e. Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản; văn bản yêu cầu phải có đầy đủ nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 79 Luật Doanh nghiệp. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị HABECO, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
5. Cổ đông có thể uỷ quyền người khác đại diện thay mình tham gia các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông với các điều kiện sau:
 - a. Chỉ được uỷ quyền từng lần cho mỗi kỳ Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Phải có giấy uỷ quyền;
 - c. Người được uỷ quyền không được ứng cử với tư cách chính mình và không được uỷ quyền lại cho người thứ ba.
6. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát HABECO:
 - a. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát HABECO, cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 điều 46 hoặc khoản 5 điều 68 của điều lệ này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
 - b. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

Điều 30. Trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày HABECO được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của HABECO trong phạm vi số vốn đã góp vào HABECO.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi HABECO dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được HABECO hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của HABECO phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của HABECO trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.
3. Tuân thủ Điều lệ và các Quy chế của HABECO.
4. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.
6. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh HABECO dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với HABECO.

Điều 31. Cổ đông chiến lược

1. Habeco lựa chọn tập đoàn Carlsberg Breweries A/S có trụ sở tại 100 Ny Carlsberg vej, DK 1760 Copenhagen V, Đan Mạch là cổ đông chiến lược.
2. Cổ đông chiến lược có đầy đủ các quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Điều lệ này và các quy định liên quan của pháp luật Việt nam. Ngoài các quyền được quy định tại Điều lệ này, Cổ Đông Chiến Lược sẽ có thêm các quyền khác như được quy định tại Hợp đồng mua bán cổ phần giữa Cổ đông chiến lược và HABECO.
3. Habeco ký hợp đồng với cổ đông chiến lược và tuân thủ các thoả thuận với cổ đông chiến lược theo Hợp đồng đã ký trên nguyên tắc đảm bảo pháp luật . HABECO sẽ tham khảo ý kiến của Cổ đông chiến lược về một số vấn đề quan trọng được quy định trong Hợp đồng mua bán cổ phần giữa HABECO và Cổ đông chiến lược.
4. Phụ thuộc vào các Hợp đồng chi tiết sẽ ký giữa HABECO và Cổ đông chiến lược, cổ đông chiến lược có trách nhiệm và với ưu thế, khả năng của mình để cùng với Habeco xây dựng, phát triển, quản lý điều hành Habeco phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế trong quản lý, tài chính, công nghệ thiết bị, thị trường, thương hiệu để mang lại hiệu quả cho Habeco và quyền lợi của các cổ đông.

Mục 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 32. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của HABECO, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của HABECO;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát HABECO;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HABECO;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ HABECO, trừ trường hợp điều chỉnh Vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ HABECO;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát HABECO gây thiệt hại cho HABECO và cổ đông HABECO;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể HABECO;
 - j. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.
3. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến HABECO. Thông báo phải có đầy đủ các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 96 Luật Doanh nghiệp.

HABECO phải gửi thông báo về người đại diện theo uỷ quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

Điều 33. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị HABECO, cơ quan



đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a. Báo cáo tài chính hằng năm;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở HABECO;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý HABECO của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc HABECO;
 - d. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - e. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền được quy định theo Điều lệ này và luật doanh nghiệp
3. Hội đồng quản trị HABECO phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:
- a. Xét thấy cần thiết vì lợi ích của HABECO;
 - b. Số thành viên Hội đồng quản trị HABECO hoặc Ban kiểm soát còn lại ít hơn một phần ba số thành viên theo quy định của Điều lệ;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 29 của Điều lệ này;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.
- Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với HABECO.
5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.
- Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với HABECO.
6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

7. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.
8. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được HABECO hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do các cổ đông tự chi tiêu, chi phí ăn, ở và đi lại khi tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Điều 34. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của HABECO. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 35. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 29 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến HABECO chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại HABECO, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;



- b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên;
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 36. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất bảy ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch chứng khoán, trên Website của Công ty, một (01) tờ báo trung ương hoặc một (01) tờ báo địa phương nơi Công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể được đặt trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.
2. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 37. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 32 của Điều lệ này thì uỷ quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Từ Đại hội lần thứ hai trở đi, Hội đồng quản trị căn cứ số lượng cổ đông để xác định số lượng sở hữu cổ phần của cổ đông và nhóm cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông cho phù hợp với điều kiện tổ chức Đại hội.

3. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của HABECO và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.
 - d. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.
5. Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng nếu HABECO nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này chậm nhất hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.
6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng nếu đủ điều kiện có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 38. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ này.

Điều 39. Thử thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, HABECO phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, HABECO sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó.
3. Cổ đông đến dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển đề đại hội đồng cổ đông cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp;

Chủ tọa cử thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc

đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
 - a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm, HABECO phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Để linh hoạt hơn trong hoạt động, HABECO có thể xem xét đưa ra quy định cho phép cổ đông tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông qua điện thoại hoặc các phương tiện liên lạc khác.



Điều 40. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết, bỏ phiếu tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ HABECO;
 - b. Thông qua định hướng phát triển HABECO;
 - c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát HABECO;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HABECO;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Tổ chức lại, giải thể HABECO.
3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a. Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
 - b. Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
 - c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
 - d. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
 - e. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

- f. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 41. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của HABECO;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 105 Luật Doanh nghiệp. Thời hạn cổ đông phải gửi phiếu lấy ý kiến về HABECO không được quy định ít hơn mười bốn ngày kể từ ngày Hội đồng quản trị gửi phiếu đi;
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về HABECO phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về HABECO sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý HABECO.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu quy định tại khoản 5 Điều 105 Luật Doanh nghiệp.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác, trừ thành viên HĐQT không tham gia kiểm phiếu;

5. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của HABECO;
7. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 42. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của HABECO. Biên bản phải có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 106 Luật Doanh nghiệp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của HABECO.

Điều 43. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ HABECO.

Mục 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 44. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý HABECO, có toàn quyền nhân danh HABECO để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HABECO không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị HABECO có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Quyết định chiến lược dài hạn, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của HABECO;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định loại, tổng giá trị, mức giá và thời điểm phát hành trái phiếu, cổ phiếu theo quy định của pháp luật. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của HABECO;

- e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của Điều lệ này;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư; Quyết định việc sử dụng vốn của HABECO để đầu tư thành lập các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; góp vốn mua cổ phần của các doanh nghiệp khác; bán tài sản của HABECO có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được nêu trong các báo cáo tài chính gần nhất của HABECO;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HABECO, trừ hợp đồng và giao dịch có liên quan theo quy định tại Điều 66 của Điều lệ này;
 - h. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, mức lương đối với Tổng giám đốc HABECO theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, mức lương đối với Kế toán trưởng, các Giám đốc điều hành theo đề nghị của Tổng giám đốc; Cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.
 - i. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của HABECO;
 - j. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ HABECO, quyết định thành lập, giải thể các đơn vị trực thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện của HABECO; quy định chức năng, nhiệm vụ của các Giám đốc điều hành, các phòng, ban tham mưu giúp việc của HABECO theo đề nghị của Tổng giám đốc HABECO;
 - k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - l. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - m. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - n. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản HABECO;
 - o. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.
3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ HABECO và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ HABECO gây thiệt hại cho HABECO thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm



ca nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho HABECO; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định này.

5. Hội đồng quản trị phải xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và phân công, phân cấp trong Hội đồng quản trị để bảo đảm việc xử lý công việc và quản lý giám sát của Hội đồng quản trị.

Điều 45. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ 5 đến 7 thành viên, trong đó có một (01) Chủ tịch và các thành viên khác. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm năm (05 năm). Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm năm (05 năm). Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải nắm giữ cổ phần của Habeco.
2. Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bằng thể thức trực tiếp và bỏ phiếu kín, theo nguyên tắc dồn phiếu.
3. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
4. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất kinh doanh của HABECO nhưng phải đảm bảo tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị độc lập không tham gia điều hành chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn tốt nghiệp Đại học trở lên, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề chủ yếu của HABECO.
 - c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật.
 - d. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị không được đảm nhiệm hoặc được ủy quyền đảm nhiệm các chức danh thành viên Ban kiểm soát và Kế toán trưởng của HABECO.
2. Các cổ đông nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều này. Cổ

đồng hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng được đề cử một thành viên; từ trên 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ người ứng cử vào có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 47. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị HABECO không kiêm Tổng giám đốc HABECO, trường hợp kiêm nhiệm Tổng giám đốc HABECO thì phải được sự phê chuẩn hàng năm của Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chịu trách nhiệm chung về mọi công việc của Hội đồng quản trị trước Đại hội đồng cổ đông, có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Phân công cho các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị;
 - b. Lập và chỉ đạo việc thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - c. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp của Hội đồng quản trị;
 - d. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - f. Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - g. Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng thuê, mức lương đối với Tổng giám đốc HABECO;
 - i. Bảo đảm việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của HABECO, báo cáo kiểm toán, báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông;

- j. Được uỷ quyền và chịu trách nhiệm về sự uỷ quyền của mình.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác trong Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ tạm thời thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán cho đến khi Chủ tịch Hội đồng quản trị có mặt hoặc có khả năng làm việc.
4. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn với bất cứ lý do nào thì trong thời hạn 10 ngày Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế.

Điều 48. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên sẽ bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của HABECO hoặc ở nơi khác theo quyết định của người triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị.
3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
- a. Đa số thành viên Ban kiểm soát;
 - b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý từ cấp trưởng phòng, ban và tương đương trở lên;
 - c. Hai thành viên Hội đồng quản trị trở lên;
5. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị họp lý quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với HABECO; những người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể tự mình triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại HABECO.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được tham gia biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp.
9. Biểu quyết.
 - a. Trừ quy định tại điểm b Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của HABECO. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại điểm d Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với HABECO và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai

mặc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
13. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 49. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh và phải có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 113 Luật Doanh nghiệp. Biên bản phải ghi rõ họ tên, chữ ký của Chủ tọa phiên họp, Thư ký và các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của HABECO.

Điều 50. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành các lĩnh vực và các cán bộ quản lý khác trực thuộc HABECO cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của HABECO và của các công ty con của HABECO.
2. Người được yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị tối đa không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày yêu cầu.

Điều 51. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ này;
 - b. Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự bởi quyết định của cơ quan pháp luật;
 - c. Có đơn xin từ chức; không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục (trừ trường hợp bất khả kháng) hoặc không hoàn thành nhiệm vụ theo Điều lệ này;
 - d. Bị mất trí, bị chết theo quy định của Pháp luật;
 - e. Trở thành đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Điều 13 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Cỗ động pháp nhân mất tư cách pháp nhân;
 - g. Mất tư cách đại diện cho cỗ động pháp nhân;



- h. HABECO bị giải thể trước thời hạn theo quy định của Tòa án.
- 2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ HABECO, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
- 4. Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
- 5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế, bổ sung Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 52. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 47 của Điều lệ này.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền, có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được uỷ quyền, thay mặt Chủ tịch thực thi công việc được uỷ quyền trong thời gian Chủ tịch vắng mặt.
- 3. Các thành viên Hội đồng quản trị khác trực tiếp thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn đã được Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công, không được uỷ quyền cho người khác. Cụ thể như sau:
 - a. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh của HABECO trong từng thời kỳ;
 - b. Được quyền yêu cầu các cán bộ quản lý trong HABECO cung cấp đầy đủ mọi thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của HABECO và các đơn vị trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ của mình;
 - c. Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những hành vi của mình;
 - d. Thực hiện Điều lệ của HABECO, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quyết định của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công, phân nhiệm của Hội đồng quản trị;
 - e. Thành viên Hội đồng quản trị là đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại HABECO thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và phải thường xuyên báo cáo với cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước.

Điều 53. Tiếp nhận nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

Sau Đại hội đồng cổ đông, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao toàn bộ vốn, tài sản, lao động, hồ sơ, tài liệu có liên quan



tới quyền sở hữu và kế thừa của Tổng công ty cổ phần HABECO theo quy định của Pháp luật về cổ phần hoá và lập hồ sơ bán giao tại thời điểm có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tổng công ty cổ phần HABECO, báo cáo Hội đồng quản trị.

Mục 4. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Điều 54. Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm năm; Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm, ký hợp đồng thuê lại với số lượng nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của HABECO, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước cổ đông và trước pháp luật về việc tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động của HABECO, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của HABECO và tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
4. Giúp việc Tổng giám đốc có các Giám đốc điều hành các lĩnh vực. Các Giám đốc điều hành được Tổng giám đốc phân công điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của HABECO. Các Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng giám đốc về các phần việc được phân công.

Điều 55. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của HABECO mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại Hội đồng cổ đông
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án dự án đầu tư của công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ HABECO;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong HABECO, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong HABECO kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ HABECO và quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của HABECO theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ HABECO, hợp đồng lao động ký với HABECO và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho HABECO thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho HABECO.
3. Xây dựng các bản dự toán, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý, năm báo cáo hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, quản lý vốn, tình hình tài chính hàng tháng, quý, năm cho Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông HABECO

Điều 56. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc

Tổng giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ tốt nghiệp đại học, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của HABECO;
3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật;
4. Tổng giám đốc HABECO không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác;
5. Những người thuộc đối tượng quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, liên quan đến Tổng giám đốc không được đảm nhiệm hoặc được uỷ quyền đảm nhiệm các chức danh thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và Kế toán trưởng của HABECO.

Điều 57. Từ nhiệm và miễn nhiệm Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định.
2. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a. Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự bởi quyết định của các cơ quan pháp luật;
 - b. Từ chức, tự ý bỏ nhiệm sở hoặc không hoàn thành nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ này;
 - c. Bị mất trí, bị chết theo quy định của Pháp luật;
 - d. Trở thành đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo Điều 13 Luật Doanh nghiệp;
 - e. HABECO bị giải thể trước thời hạn theo quyết định của toà án.



3. Trường hợp Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải tạm cử người để đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc. Trong thời gian tối đa 30 ngày làm việc, Hội đồng quản trị phải tiến hành thủ tục để bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

Điều 58. Ủy quyền của Tổng Giám Đốc

Tổng giám đốc có thể ủy quyền hoặc ủy nhiệm bằng văn bản cho một trong số các Giám đốc điều hành và các chức danh khác của HABECO thay mặt mình giải quyết hoặc thi hành một số công việc trong HABECO, nhưng Tổng giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm pháp lý về sự ủy quyền hoặc ủy nhiệm này.

Điều 59. Trách nhiệm người được ủy quyền

Người được Tổng giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và pháp luật về những công việc mình làm theo sự ủy quyền, ủy nhiệm.

Điều 60. Ủy quyền liên quan đến con dấu

Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan đến việc sử dụng con dấu của HABECO đều phải được thực hiện bằng văn bản.

Điều 61. Trách nhiệm về chứng từ kế toán

Tổng giám đốc và Kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm pháp lý về các chứng từ thu, chi và các hồ sơ kế toán, thống kê của HABECO.

Mục 5. THƯ KÝ HABECO

Điều 62. Thư ký HABECO

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một hoặc nhiều người làm Thư ký Tổng công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Tổng công ty khi cần nhưng không trái với quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký bao gồm:

- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;
- d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký Tổng công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

Mục 6. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA NHỮNG NGƯỜI QUẢN LÝ HABECO

Điều 63. Công khai các lợi ích liên quan

1. 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và các chức danh từ Trưởng, Phó phòng ban và tương đương trở lên phải có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của HABECO mà họ có thể được hưởng thông qua pháp nhân kinh tế, các giao dịch cá nhân khác..
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của HABECO không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. HABECO không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của HABECO và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa HABECO với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của HABECO, hoặc những người liên quan đến họ hoặc HABECO, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc,
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 10% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công

ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của HABECO hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của HABECO hoặc công ty con của HABECO vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 64. Trách nhiệm về thiệt hại bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của HABECO vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. Cổ đông sẽ không phải chịu trách nhiệm về bất kỳ khoản nợ hoặc nghĩa vụ, hành động, quyết định, ý kiến hoặc sai sót nào của một thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát hoặc cán bộ quản lý của HABECO(dù là được quy định trong Điều lệ này) vì lý do người đó là do cổ đông đó chỉ định hoặc người đó là người liên quan của cổ đông đó.
2. HABECO sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do HABECO thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của HABECO) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được HABECO (hay công ty con của HABECO) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của HABECO (hay công ty con của HABECO) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của HABECO, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. HABECO có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 65. Nghĩa vụ của những người quản lý HABECO

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau đây:

- a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ HABECO, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của HABECO và cổ đông của HABECO;
 - c. Trung thành với lợi ích của HABECO và cổ đông của HABECO; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của HABECO, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của HABECO để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d. Không được đem tài sản của HABECO chuyển nhượng, tặng, cho người khác; không được tiết lộ bí mật của HABECO, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận hoặc/và theo các quy định hiện hành của HABECO.
 - e. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho HABECO về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của HABECO.
2. Khi HABECO không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì:
- a. Phải thông báo tình hình tài chính của HABECO cho tất cả chủ nợ biết;
 - b. Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho người lao động của HABECO, kể cả cho người quản lý;
 - c. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a và b khoản này;
 - d. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của HABECO.
3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.

Điều 66. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa HABECO với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - a. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của HABECO và những người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành và người có liên quan của họ có vốn góp cổ phần từ 35% tổng số cổ phần trở lên.
 - d. quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 63 của Điều lệ này và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 5% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản HABECO ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của HABECO dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại sau khi đã trừ số cổ phiếu của cổ đông có liên quan đồng ý.
4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Chủ tịch Hội đồng quản trị, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho HABECO các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 67. Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

1. HABECO có quyền trả thù lao, tiền lương, tiền thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc phê duyệt theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách được trả tiền lương, tiền thưởng. Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng được hưởng gắn với kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh và quản lý của HABECO Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
 - c. Tổng giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
 - d. Tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc do Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
3. Tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc phê duyệt được tính vào chi phí kinh doanh của HABECO theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính



hàng năm của HABECO; phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Mục 7. BAN KIỂM SOÁT

Điều 68. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành HABECO:

1. Ban kiểm soát có 03 (ba) thành viên. Thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn bằng thẻ bỏ phiếu kín, theo nguyên tắc bầu dồn phiếu. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số lượng nhiệm kỳ không hạn chế
2. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm phân công cho thành viên của Ban phụ trách từng loại công việc.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:
 - a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật; có năng lực và trình độ chuyên môn về tài chính kế toán và quản trị doanh nghiệp.
 - c. Không phải vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.
4. Trưởng Ban kiểm soát là cổ đông của HABECO hoặc đại diện cho cổ đông là pháp nhân, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ trong các ngành nghề kinh doanh chính của HABECO và có trình độ chuyên môn đại học tài chính kế toán.
5. Thành viên Ban kiểm soát không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của HABECO, và cũng không là người có liên quan với các chức danh kể trên hoặc người quản lý khác;

Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ trên 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
6. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện



quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 69. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành HABECO; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Trình báo cáo thẩm định và báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của HABECO và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của HABECO, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của HABECO bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 29 của Điều lệ này.
5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định khoản 3 Điều 29 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của HABECO.

6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HABECO.
7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 65 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
8. Thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật của HABECO.
9. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ HABECO và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
10. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Quan hệ với kiểm toán viên độc lập và xem xét ý kiến thư góp ý của kiểm toán độc lập.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 70. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do HABECO phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của HABECO lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của HABECO làm việc.
4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của HABECO theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 71. Quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách được trả tiền lương, tiền thưởng. Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên;
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của HABECO theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của HABECO.

Điều 72. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ HABECO, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của HABECO và cổ đông của HABECO.
3. Trung thành với lợi ích của HABECO và cổ đông HABECO; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của HABECO, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của HABECO để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.



4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.
5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho HABECO hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của HABECO.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 73. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát muốn từ nhiệm phải gửi đơn đến Đại hội đồng cổ đông kỳ họp gần nhất quyết định.
2. Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban, phải gửi đơn từ chức cho Ban kiểm soát để Ban bầu người khác thay thế và thông báo cho Hội đồng quản trị biết.
3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều 68 của Điều lệ HABECO;
 - b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn xin từ chức;
 - d. Các trường hợp khác theo qui định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.
 - e. Bị mất trí, bị chết theo qui định của Pháp luật.
4. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
5. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho HABECO thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để đề nghị xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

Mục 8. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 74. Trình báo cáo hàng năm

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:
 - a. Báo cáo về tình hình kinh doanh của HABECO;
 - b. Báo cáo tài chính;

- c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành HABECO.
2. Báo cáo tài chính hàng năm của HABECO phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
3. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.
4. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của HABECO chậm nhất 7 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ đông sở hữu tối thiểu 10% cổ phần của HABECO liên tục ít nhất một năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian hợp lý.

Điều 75. Công khai thông tin về HABECO

1. HABECO phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.
2. Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Mọi tổ chức, cá nhân là cổ đông của HABECO đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của HABECO tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 3 Điều 29 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của HABECO danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý HABECO có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của HABECO, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của HABECO vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
6. HABECO phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các Quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các



cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

7. Cổ đông có quyền được HABECO cấp một bản Điều lệ HABECO miễn phí. Điều lệ này phải được công bố trên website của HABECO.

Chương VI

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, PHÂN CHIA LỢI NHẬN

Điều 76. Chế độ kế toán

1. HABECO hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, tự cân đối các khoản thu chi, có trách nhiệm bảo toàn và làm sinh lợi các nguồn vốn của HABECO.
2. Năm tài chính của HABECO bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên của HABECO bắt đầu từ ngày HABECO được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.
3. HABECO thực hiện chế độ kế toán và thống kê theo pháp luật hiện hành về kế toán, thống kê, kiểm toán của nhà nước Việt Nam:
 - a. Công tác kế toán thực hiện theo hệ thống chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành,
 - b. Sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của HABECO phải phản ánh trung thực tài sản có, tài sản nợ, doanh thu, chi phí, lãi lỗ của HABECO.
4. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc tổ chức công tác tài chính, kế toán, hạch toán trong toàn HABECO theo đúng quy định của pháp luật.
5. HABECO sẽ mở tài khoản tại một hoặc nhiều ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
6. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, HABECO có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
7. HABECO sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà HABECO mở tài khoản.

Điều 77. Quỹ dự trữ bổ xung vốn điều lệ.

Hàng năm, HABECO phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của HABECO và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của HABECO.

Điều 78. Báo cáo tài chính

1. HABECO phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được

- kiểm toán theo quy định tại Điều 79, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh, và các cơ quan nhà nước theo quy định.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của HABECO trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của HABECO cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của HABECO và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
 3. HABECO phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
 4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website của HABECO.

Điều 79. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán HABECO sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. HABECO sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của HABECO, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho HABECO phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của HABECO.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán HABECO sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán

Điều 80. Phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm được phân phối như sau:

- Trừ các khoản sau thuế thu nhập (nếu có);
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Chia cổ tức cho các cổ đông;
- Trích quỹ phát triển SXKD;
- Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi;
- Quỹ phát triển khoa học công nghệ.

Mức trích, tỷ lệ trích theo quy định của pháp luật hiện hành và được thông qua đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

Điều 81. Xử lý thua lỗ

Trường hợp sản xuất - kinh doanh thua lỗ kéo dài 02 năm mà vẫn không khắc phục được bằng các biện pháp tài chính cần thiết thì phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để quyết định.

Chương VII

CÁC CHẾ ĐỘ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 82. Chế độ và quyền lợi của người lao động

1. Các chế độ, quyền lợi của người lao động được thực hiện theo Hợp đồng lao động giữa Tổng giám đốc hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền ký kết với người lao động và theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Người lao động khi chuyển sang làm việc tại HABECO được tiếp tục thực hiện mọi chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các chế độ khác theo quy định của pháp luật.
3. Nếu do nhu cầu tổ chức lại hoạt động sản xuất, kinh doanh, thay đổi công nghệ dẫn đến người lao động mất việc làm thì chính sách đối với số lao động này được giải quyết theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.
4. Theo đề nghị của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị quyết định thông qua các quy chế quản lý nội bộ có liên quan đến người lao động như: tuyển dụng lao động, tiền lương, tiền thưởng, thi đua khen thưởng, kỷ luật, bảo hiểm, phúc lợi, an toàn lao động đối với cán bộ quản lý và người lao động.



Điều 83. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội khác

Người lao động của HABECO có quyền tham gia hoạt động trong các tổ chức Đảng Cộng Sản Việt Nam, Công Đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác theo quy định của Hiến pháp và Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chương VIII
MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Điều 84. Hình thức tổ chức của HABECO

1. HABECO là Công ty mẹ trong tổ hợp các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, là một trong các hình thức của nhóm công ty, có chức năng trực tiếp sản xuất - kinh doanh và đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác, hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan; thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần vốn đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết.
2. Các công ty con là công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của HABECO, được tổ chức dưới các hình thức: công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh với nước ngoài, công ty ở nước ngoài.
3. Các công ty liên kết là công ty có cổ phần, vốn góp không chi phối của HABECO, được tổ chức dưới các hình thức: công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh với nước ngoài, công ty ở nước ngoài.

Điều 85. Quan hệ giữa HABECO với công ty con

1. HABECO thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh, bên góp vốn chi phối theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của HABECO. Cụ thể là:
 - a. Tuỳ thuộc vào loại hình pháp lý của công ty con, HABECO thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là thành viên, chủ sở hữu hoặc cổ đông trong quan hệ với công ty con theo quy định tương ứng của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.
 - b. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa HABECO và công ty con đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với các chủ thể pháp lý độc lập, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.
 - c. Trường hợp HABECO can thiệp ngoài thẩm quyền của chủ sở hữu, thành viên hoặc cổ đông và buộc công ty con phải thực hiện hoạt động kinh doanh trái với thông lệ kinh doanh bình thường hoặc thực hiện hoạt động không sinh lợi mà không đền bù hợp lý trong năm tài chính có liên quan, gây thiệt hại cho công ty con thì HABECO phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.
 - d. Người quản lý của HABECO chịu trách nhiệm về việc can thiệp buộc công ty con thực hiện hoạt động kinh doanh quy định tại điểm c khoản này phải liên đới cùng HABECO chịu trách nhiệm về các thiệt hại đó.

- e. Trường hợp HABECO không đền bù cho công ty con theo quy định tại điểm d khoản này thì chủ nợ hoặc thành viên, cổ đông có sở hữu ít nhất 1% vốn điều lệ của công ty con có quyền nhân danh chính mình hoặc nhân danh công ty con đòi HABECO đền bù thiệt hại cho công ty con.
 - f. Trường hợp hoạt động kinh doanh như quy định tại khoản này do công ty con thực hiện đem lại lợi ích cho công ty con khác của cùng HABECO thì công ty con được hưởng lợi đó phải liên đới cùng HABECO hoàn trả khoản lợi được hưởng đó cho công ty con bị thiệt hại.
2. HABECO quản lý cổ phần, vốn góp chi phối thông quan người đại diện ở công ty có cổ phần, vốn góp của HABECO, và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào công ty đó.

Điều 86. Quan hệ giữa HABECO với công ty liên kết

HABECO thực hiện quyền, nghĩa vụ của bên góp vốn thông qua đại diện của mình tại công ty liên kết, phù hợp với pháp luật và Điều lệ của công ty liên kết.

Điều 87. Báo cáo tài chính của HABECO và công ty con

- 1. Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật, HABECO còn phải lập các báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm công ty theo quy định của pháp luật về kế toán;
 - b. Báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm của nhóm công ty;
 - c. Báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của nhóm công ty.
- 2. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này chưa được lập và đệ trình các báo cáo đó nếu chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính của các công ty con.
- 3. Khi có yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của HABECO, người đại diện theo pháp luật của công ty con phải cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của nhóm công ty.
- 4. Trường hợp không biết hoặc không nghi ngờ về việc báo cáo do công ty con lập và đệ trình có thông tin sai lệch, không chính xác hoặc giả mạo thì người quản lý HABECO sử dụng các báo cáo đó để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của nhóm công ty.
- 5. Trong trường hợp người quản lý HABECO đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi thẩm quyền mà vẫn không nhận được báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định từ công ty con thì người quản lý HABECO vẫn lập và trình báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của nhóm công ty. Báo cáo có thể gồm hoặc không gồm các thông tin từ công ty con đó, nhưng phải có giải trình cần thiết để tránh hiểu nhầm hoặc hiểu sai lệch.
- 6. Các báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hằng năm của HABECO, của các công ty con và các báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của cả nhóm công ty phải



được lưu giữ tại trụ sở chính của HABECO. Bản sao của các báo cáo, tài liệu quy định tại khoản này phải có ở các chi nhánh của HABECO trên lãnh thổ Việt Nam.

7. Đối với các công ty con, ngoài các báo cáo, tài liệu theo quy định của pháp luật, còn phải lập và đệ trình báo cáo tổng hợp về mua, bán và các giao dịch khác với HABECO (nếu có)

Chương IX

QUẢN LÝ PHẦN VỐN CỦA HABECO

TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC

Mục 1: TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HABECO ĐỐI VỚI PHẦN VỐN GÓP CỦA HABECO TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 88. Đại diện chủ sở hữu của HABECO ở doanh nghiệp khác

Hội đồng quản trị HABECO là đại diện chủ sở hữu đối với phần vốn của HABECO đầu tư ở doanh nghiệp khác. Hội đồng quản trị HABECO thực hiện chức năng, quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ sở hữu đối với phần vốn của HABECO đầu tư ở doanh nghiệp khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Điều 89. Quyền của Hội đồng quản trị HABECO đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp khác

1. Quyết định đầu tư góp vốn; tăng, giảm vốn đầu tư, vốn góp theo quy định của Điều lệ HABECO và Điều lệ của doanh nghiệp có vốn góp của HABECO.
2. Cử, thay đổi, bãi miễn Người đại diện phần vốn góp của HABECO (sau đây gọi là người đại diện) theo quy định của Điều lệ doanh nghiệp có vốn góp của HABECO (sau đây gọi là doanh nghiệp khác) và Luật Doanh nghiệp; cử người của HABECO tham gia Hội đồng quản trị công ty liên doanh hoạt động theo Luật Đầu tư (sau đây gọi chung là người đại diện).
3. Quyết định khen thưởng, kỷ luật, phụ cấp và lợi ích khác có liên quan đối với Người đại diện. Chi phí phụ cấp trách nhiệm, thưởng và lợi ích khác có liên quan đối với người đại diện được tính vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp đó hoặc từ nguồn quỹ của HABECO theo quy chế của HABECO và theo quy định của pháp luật.
4. Yêu cầu người đại diện phần vốn góp của HABECO báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh, công tác quản lý tài chính, quản lý vốn, tài sản và các nội dung khác về doanh nghiệp đó.
5. Giao nhiệm vụ và yêu cầu người đại diện xin ý kiến về những vấn đề quan trọng, quy định tại khoản 2 Điều 93 của Điều lệ này, của doanh nghiệp có vốn góp của HABECO trước khi tham gia biểu quyết tại doanh nghiệp đó; báo cáo việc sử



dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của HABECO.

6. Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn HABECO góp ở doanh nghiệp khác. Phần vốn thu về, kể cả lãi được chia do HABECO quyết định sử dụng để phục vụ các mục tiêu kinh doanh của HABECO.
7. Giám sát, kiểm tra việc sử dụng vốn góp của HABECO ở doanh nghiệp khác.

Điều 90. Nghĩa vụ của Hội đồng quản trị HABECO đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp khác.

1. Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn góp của HABECO.
2. Thực hiện các quyền của cổ đông tại các doanh nghiệp khác. Định hướng hoạt động theo mục tiêu của HABECO tại doanh nghiệp mà HABECO có cổ phần chi phối.
3. Chỉ đạo người đại diện có biện pháp kịp thời để bảo vệ số vốn của HABECO trong trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư của HABECO bị thua lỗ, mất vốn, phải xem xét giải thể hoặc lâm vào tình trạng phá sản.
4. Giám sát việc thu hồi lợi tức được chia từ số vốn HABECO đầu tư vào doanh nghiệp khác.

Điều 91. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc HABECO không làm tròn nhiệm vụ hoặc lạm dụng quyền và nghĩa vụ của mình làm thiệt hại phần vốn góp của HABECO tại doanh nghiệp khác, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hành chính, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu có hành vi tác động trực tiếp gây ra thiệt hại vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị HABECO phải xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân đối với việc vi phạm và xử lý cá nhân vi phạm như quy định trên đây.

Mục 2: TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN GÓP CỦA HABECO Ở DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 92. Trách nhiệm của người đại diện phần vốn góp của HABECO ở doanh nghiệp khác

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh trong doanh nghiệp có vốn góp của HABECO theo quy định của pháp luật và Điều lệ doanh nghiệp đó. Trường hợp HABECO nắm giữ cổ phần chi phối của doanh nghiệp khác thì người đại diện của HABECO sử dụng quyền cổ phần chi phối hoặc vốn góp chi phối để định hướng doanh nghiệp đó thực hiện mục tiêu do Hội đồng quản trị HABECO quy định. Yêu cầu doanh nghiệp mà mình làm đại diện chuyển lợi tức được chia về HABECO.



2. Tham gia ứng cử hoặc đề cử vào bộ máy quản lý, điều hành của doanh nghiệp có vốn góp của HABECO theo Điều lệ của doanh nghiệp đó.
3. Theo dõi và giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có vốn góp của HABECO.
4. Người đại diện của HABECO tại doanh nghiệp khác nếu trực tiếp tham gia quản lý điều hành doanh nghiệp thì được hưởng lương, các khoản phụ cấp và tiền thưởng theo quy định của doanh nghiệp đó và do doanh nghiệp trả; trường hợp làm việc kiêm nhiệm thì tiền lương do HABECO trả; doanh nghiệp trả thù lao và các chi phí hợp lý khác. HABECO sẽ xây dựng chính sách thu nhập công bằng, hợp lý cho những người được cử trực tiếp quản lý, điều hành ở doanh nghiệp khác.

Điều 93. Nghĩa vụ của người đại diện phần vốn góp của HABECO ở doanh nghiệp khác

1. Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc HABECO về hiệu quả sử dụng phần vốn góp của HABECO tại doanh nghiệp khác; Trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, lợi dụng quyền đại diện phần vốn góp, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho HABECO thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại vật chất theo quy định của pháp luật.
2. Xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị HABECO trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, tại cuộc họp Hội đồng quản trị của doanh nghiệp có vốn góp của HABECO về phương hướng, chiến lược, dự án đầu tư, kế hoạch kinh doanh, sửa đổi bổ sung Điều lệ, tăng giảm vốn điều lệ, chia lợi tức, nhân sự, tổ chức, sắp xếp doanh nghiệp, bán tài sản có giá trị lớn cần có biểu quyết của cổ đông, thành viên góp vốn. Trường hợp nhiều Người đại diện của HABECO cùng tham gia Hội đồng quản trị của một doanh nghiệp khác thì Hội đồng quản trị HABECO chỉ định một người phụ trách chịu trách nhiệm phối hợp chung, những người này phải cùng nhau bàn bạc, thống nhất ý kiến và biểu quyết theo đúng ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị HABECO.
3. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị HABECO về hiệu quả sử dụng vốn góp của HABECO ở doanh nghiệp mà mình làm đại diện. Người đại diện phần vốn góp của HABECO ở doanh nghiệp khác không làm tròn nhiệm vụ, lạm dụng quyền và nghĩa vụ gây thiệt hại phần vốn góp của HABECO tại doanh nghiệp khác, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hành chính, nếu cấu thành tội phạm sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp không đơn đốc kịp thời thu về số lợi tức được chia để cho doanh nghiệp khác chiếm dụng thì phải bồi thường theo lãi suất tiền vay vốn ngắn hạn của ngân hàng. Thời gian xác định trách nhiệm bồi thường tính từ ngày thứ 31 kể từ khi doanh nghiệp đó thông qua phương án phân chia lợi nhuận đến khi doanh nghiệp chuyển số lợi nhuận được chia về tài khoản mà HABECO quy định. Nếu có hành vi trực tiếp gây thiệt hại vật chất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
4. Hợp đồng kinh tế, lao động, dân sự của doanh nghiệp khác do người của HABECO trực tiếp quản lý điều hành ký kết với người đại diện của HABECO, hoặc với vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của người đó phải được kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị HABECO. Trường hợp Hội đồng quản trị



HABECO phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi nhưng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu người đó không được ký kết hợp đồng đó; nếu hợp đồng đã được ký kết thì bị coi là vô hiệu, người đó phải bồi thường thiệt hại cho doanh nghiệp mà mình được cử làm đại diện và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 94. Tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện phần vốn góp của HABECO ở doanh nghiệp khác

1. Là một cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, là cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị của HABECO;
2. Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp; có trình độ Đại học; có chuyên môn thuộc lĩnh vực kinh doanh chính của doanh nghiệp đó. Đối với chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có kinh nghiệm ít nhất ba năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp đó. Đối với người được cử trực tiếp điều hành tại liên doanh với nước ngoài phải có trình độ ngoại ngữ đủ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài trong liên doanh không cần qua phiên dịch;
3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;
4. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
5. Người đại diện phần vốn góp của HABECO ở doanh nghiệp khác được Hội đồng quản trị đề cử vào các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, Giám đốc doanh nghiệp khác phải đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - a. Đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện theo luật doanh nghiệp và phải được Hội đồng quản trị HABECO giới thiệu ứng cử vào các chức danh quản lý hoặc cử làm đại diện của HABECO đối với phần vốn góp vào các doanh nghiệp đó;
 - b. Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của người đại diện HABECO ở doanh nghiệp khác không được giữ các chức danh Kế toán trưởng, thủ quỹ của doanh nghiệp đó;

Chương X

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CON DẤU, HỒ SƠ, TÀI LIỆU

Điều 95. Con dấu của HABECO

1. HABECO có con dấu riêng, được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của HABECO. Hình thức và nội dung của con dấu, điều kiện làm con dấu và chế độ sử dụng con dấu thực hiện theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 96. Chế độ lưu giữ tài liệu của HABECO

1. HABECO phải lưu giữ các tài liệu sau đây:
 - a. Điều lệ HABECO; sửa đổi, bổ sung Điều lệ HABECO; quy chế quản lý nội bộ của HABECO; sổ đăng ký cổ đông;
 - b. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; các giấy phép và giấy chứng nhận khác;
 - c. Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của HABECO;
 - d. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của HABECO;
 - e. Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán;
 - f. Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
 - g. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;
 - h. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.
2. HABECO phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XI

KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 97. Quyền khiếu kiện của Cổ đông

Mọi cổ đông của HABECO đều có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện trực tiếp để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình theo qui định của pháp luật.

Điều 98. Giải quyết khiếu kiện

Mọi khiếu nại liên quan đến hoạt động của HABECO, đến quyền của cổ đông, đến cổ phần của HABECO đều do Hội đồng quản trị giải quyết. Những khiếu nại liên quan đến Hội đồng quản trị do Ban Kiểm soát giải quyết. Nếu người khiếu nại không chấp nhận quyết định giải quyết của Hội đồng quản trị hoặc của Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án can thiệp.

Mọi khiếu kiện, tranh chấp về các hợp đồng giữa HABECO với các đơn vị sản xuất - kinh doanh khác được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền hoặc tổ chức trọng tài thương mại theo nội dung các hợp đồng đã ký.

Điều 99. Tư cách tham gia tố tụng

Tùy theo nội dung tính chất của sự việc tranh chấp, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc là người đại diện cho HABECO hoặc sẽ thực hiện việc ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng.

Điều 100. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các văn bản quy phạm pháp luật khác quy định, giữa:
 - a. Cổ đông với Tổng công ty; hoặc
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp.Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan đến thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Chương XII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 101. Chấm dứt hoạt động

1. HABECO có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Tòa án tuyên bố HABECO phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể HABECO trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.



Điều 102. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của HABECO thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 103. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của HABECO hoặc sau khi có một quyết định giải thể HABECO, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên; trong đó, 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên HABECO hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được HABECO ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của HABECO.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt HABECO trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý HABECO trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của HABECO;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.
4. Việc phá sản HABECO được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

Chương XIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 104. Điều khoản thi hành

Tất cả các cổ đông (cá nhân và tổ chức), các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát, các cán bộ quản lý, điều hành, mọi người lao động và các tổ chức Đảng, Đoàn thể chính trị - xã hội trong HABECO có trách nhiệm thi hành các quy định của Điều lệ này.

Điều 105. Bổ sung, sửa đổi và hiệu lực của Điều lệ

1. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới được quyền thông qua việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của bản Điều lệ này.
2. Trong trường hợp quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của HABECO chưa được đề cập trong bản Điều lệ này, hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của HABECO.

Điều 106. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 13 Chương, 107 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội nhất trí thông qua toàn văn ngày 09 tháng 6 năm 2008 và có hiệu lực kể từ ngày này.
2. Điều lệ này được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. 05 bản gốc đăng ký tại Cơ quan đăng ký kinh doanh tại Hà Nội
 - b. 05 bản gốc lưu trữ tại Văn phòng
 - c. Điều lệ này là Điều lệ duy nhất và chính thức của HABECO.
3. Các bản sao và trích lục của Điều lệ này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc HABECO mới có giá trị.



Điều 107. Chữ ký của thành viên hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của HABECO

Ông Lê Bá Cơ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Việt
Ủy viên Hội đồng quản trị
Tổng giám đốc

Ông Lê văn Được
Ủy viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Tuấn Phong
Ủy viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hồng Linh
Ủy viên Hội đồng quản trị

Ông Henrik Juel Andersen
Ủy viên Hội đồng quản trị

Hà nội, ngày 09 tháng 6 năm 2008

Phụ lục: Danh sách nhóm cổ đông tại thời điểm thành lập

Cổ phần, cổ đông	Vốn góp điều lệ (triệu đồng)	Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1. Cổ phần cổ đông Nhà nước	1.895.924	189.592.400	81,79	
- Ông Lê Bá Cơ		45.282.400		
Ông Nguyễn Văn Việt		40.000.000		
Ông Lê Văn Được		34.770.000		
Ông Nguyễn Tuấn Phong		34.770.000		
Ông Nguyễn Hồng Linh		34.770.000		
2. Cổ đông chiến lược (Tập đoàn Carlsberg AS)				
- Ông Henrik Juel Andersen	365.500	36.550.000	15,77	
3. Cổ phần cổ đông người lao động trong Doanh nghiệp	12.902	1.290.200	0,56	Gồm: 760 cổ đông
4. Cổ phần cổ đông bán đấu giá	43.674	4.367.400	1,88	Gồm: 206 cổ đông
Tổng cộng	2.318.000	231.800.000	100,00	

Ghi chú:

Danh sách chi tiết các cổ đông được đăng ký tại Sổ đăng ký cổ đông của Habeco.